

Số : /PA-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2022

PHƯƠNG ÁN

Tự chủ tài chính của Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2022-2026

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư;

Căn cứ Văn bản số 1856/STC-HCSN ngày 26/7/2022 của Sở Tài chính về việc xây dựng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công, Định mức kinh tế kỹ thuật và Phương án tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

Trường Đại học Hoa Lư tiến hành xây dựng Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022-2026, như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn 2017-2021

1. Về nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Trong giai đoạn này, đơn vị đã thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với đơn vị sự nghiệp:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch và định hướng phát triển nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục và quy hoạch mạng lưới các trường Đại học của Nhà nước, đồng thời đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

- Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

- Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định, bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

- Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.

- Quản lý người học, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học, dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

- Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.

- Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất, được miễn giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực, xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất đầu tư trang thiết bị.

- Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Bộ giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh Ninh Bình giao.

2. Tổ chức bộ máy, biên chế:

a) Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư, gồm có:

- *Hội đồng trường*

- *Ban Giám hiệu;*

- *Hội đồng Khoa học và Đào tạo;*

- *Các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, ban, trường thực hành sư phạm.*

+ 06 phòng chức năng: Tổ chức- Tổng hợp; Đào tạo- Quản lý khoa học; Khảo thí & Đảm bảo chất lượng; Tài vụ; Công tác sinh viên; Hành chính- Quản trị

+ 07 khoa chuyên môn: Tự nhiên; Xã hội- Du lịch; Ngoại ngữ- Tin học; Tiểu học- Mầm non; Kinh tế- Kỹ thuật; Nông Lâm; Giáo dục thường xuyên;

+ 02 bộ môn: Lý luận chính trị; Giáo dục thể chất- Tâm lý;

+ 03 trung tâm: Ngoại ngữ- Tin học; Thư viện- Thiết bị; Y tế- Môi trường;

+ 01 ban: Quản lý ký túc xá.

+ 01 trường trực thuộc: Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An

Đơn vị chưa thực hiện phân cấp quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với từng đơn vị thuộc và trực thuộc.

b) Biên chế:

Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2021 của Trường Đại học Hoa Lư là 269 chỉ tiêu, trong đó: biên chế sự nghiệp là 239 người, Hợp đồng theo Nghị định 68 là 30 chỉ tiêu. Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường có mặt đến thời điểm 30/12/2021 là **267** người, trong đó: biên chế sự nghiệp là 224, Hợp đồng 68 là 30, Hợp đồng lao động làm nhiệm vụ chuyên môn 13.

3. Tình hình chấp hành chế độ và các quy định về tài chính của Nhà nước

a) Về mức thu sự nghiệp:

TT	Tên khoản thu	Văn bản cho phép thu	Mức thu 01 tháng (đồng/tháng/sv)	Số tháng thu /năm	Số tiền thu 1 năm
I	Hoạt động dịch vụ				
1	Hệ đại học chính quy	NQ số 25/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh NB	700.000	10	
2	Hệ cao đẳng chính quy	NQ số 25/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh NB	560.000	10	
3	Hệ đại học vừa học vừa làm	NQ số 25/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh NB	870.000	10	
4	Hệ cao đẳng vừa học vừa làm	NQ số 25/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh NB	690.000	10	
5	Thu khác	Theo hợp đồng			

b) Tình hình chấp hành các chế độ tài chính:

Đơn vị cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về việc lập dự toán, mua sắm, sửa chữa tài sản, quản lý và sử dụng tài sản; chế độ chi tiêu, hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách Nhà nước.

Đơn vị đã xây dựng dự thảo về quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, xây dựng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, xây dựng quy định về chi hoạt động nghiên cứu khoa học.

4. Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TH 2020	TH 2021
A	Thu, chi hoạt động dịch vụ					
I	Thu hoạt động dịch vụ	7.641	8.075	9.470	9.013	11.937
1	Thu học phí (Nguồn thu xác định mức độ tự chủ)	6.775	6.695	8.105	7.001	10.819
2	Thu khác	866	1.380	1.365	2.012	1.118

II	Chi hoạt động dịch vụ	7.641	8.075	7.614	6.369	10.060
1	Chi từ nguồn thu học phí	6.775	6.695	6.249	4.357	8.942
2	Chi các hoạt động khác	866	1.380	1.365	2.012	1.118
III	Chênh lệch thu, chi hoạt động dịch vụ	0	0	1.856	2.644	1.877
I	Chi thường xuyên giao tự chủ (B)	35.644	36.121	39.065	39.559	46.075
II	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	30.071	30.446	34.431	36.407	38.173
III	Số kinh phí NSNN tiết kiệm được	1.202	1.020	1.615	1.205	1040
IV	Phân phối chênh lệch thu, chi thường xuyên	1.202	1.020	1.615	1.205	1.420
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	389	262	300	240	215
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khác	813	758	881	1.205	825
3	Thu nhập tăng thêm của người lao động			434	250	380
V	Xác định mức độ tự chủ (A/B)	19%	18,5%	20,5%	17,7%	23,5%

5. Những khó khăn và tồn tại

Giai đoạn từ năm 2017 đến 2021, mặc dù số thu học phí có tăng đều theo từng năm, nhưng quy mô nhà trường tăng, với mô hình có thêm đơn vị trực thuộc Trường PTTH Sư phạm Trảng An từ năm 2020, kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên toàn trường tăng trong khi nguồn thu học phí học sinh phổ thông thấp dẫn đến mức tự chủ năm 2020 giảm so với các năm trước.

II. Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2022-2026

1. Khái quát chung về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình triển khai nhiệm vụ

a) Tổ chức bộ máy, biên chế:

* Tổ chức bộ máy:

Năm 2022, Trường Đại học Hoa Lư hoàn thành sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của Trường Đại học Hoa Lư; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường hiện tại, gồm có:

- *Hội đồng trường;*
- *Ban Giám hiệu;*
- *Hội đồng Khoa học-Đào tạo;*
- *Các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, ban, trường thực hành sư phạm.*

+ 06 phòng chức năng: Tổ chức- Thanh tra; Đào tạo- Quản lý khoa học; Phòng quản lý chất lượng; Phòng kế hoạch – tài chính; Phòng chính trị và công tác học sinh, sinh viên; Phòng Hành chính- Quản trị

+ 06 khoa chuyên môn: Khoa sư phạm – Trung học; Khoa giáo dục thường xuyên; Khoa văn hóa - du lịch; Khoa ngoại ngữ - công nghệ thông tin; Khoa sư phạm tiểu học- mầm non; Khoa kinh tế.

+ 02 bộ môn: Lý luận chính trị; Giáo dục thể chất- Tâm lý

+ 02 trung tâm: Ngoại ngữ- Tin học; Thư viện- Thiết bị.

+ 01 ban: Quản lý nội trú.

+ 01 trường trực thuộc: Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An.

** Biên chế:*

Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2022 của Trường Đại học Hoa Lư là **266** chỉ tiêu, trong đó: biên chế sự nghiệp là 239 người (Trường đại học Hoa Lư là 217 người; Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An: 23 người), Hợp đồng theo Nghị định 161 là 27 chỉ tiêu (Trường đại học Hoa Lư là 25 người; Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An: 2 người).

Tổng số viên chức, người lao động Nhà trường có mặt đến thời điểm hiện tại là **255** người, trong đó: Biên chế sự nghiệp là 230 (Trường Đại học Hoa Lư: 208; Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An: 22), hợp đồng nghị định 161 là 25 (Trường Đại học Hoa Lư: 23; Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An: 02 người).

So với giai đoạn trước, mặc dù về quy mô tăng lên, Nhà trường thành lập thêm Trường phổ thông thực hành Sư phạm Trảng An nhưng đơn vị tiết kiệm được 15 chỉ tiêu, trong đó: Biên chế sự nghiệp giảm 10 người, hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP là 05 người. So với chỉ tiêu được giao, năm 2022 Nhà trường giảm 01 biên chế và 03 hợp đồng theo Nghị định 161.

1.2. Về nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, hàng năm của Trường.

- Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, sử dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.

- Tổ chức triển khai các hoạt động: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường.

- Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

- Thực hiện việc đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường; tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

- Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

- Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Được huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo đúng quy định của pháp luật; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị trong Trường.

- Hợp tác với các tổ chức kinh tế, xã hội, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học... trong và ngoài nước.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của UBND tỉnh Ninh Bình, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành và chính quyền địa phương nơi Trường đặt trụ sở theo quy định.

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Xác định phương án tự chủ tài chính:

2.1 Về mức thu sự nghiệp và thực hiện các chế độ chính sách:

a) Thực hiện các chính sách:

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Kế toán ngày 20/11/2015;
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

- Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 152/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

- Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

- Thông tư số 137/2017/TT- BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

- Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

- Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị.

- Quyết định 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về số gói thầu, nội dung mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại điều 26 Luật đấu thầu;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan về thu, chi, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí được giao.

b) Thu học phí:

- Với hệ Đại học, cao đẳng mức thu thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Với Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An: Thực hiện thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành điều lệ trường Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 134/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình, cụ thể:

TT	Tên khoản thu	Văn bản cho phép thu	Mức thu 01 tháng (đồng/th áng/sv)	Số tháng thu /năm	Số tiền thu 1 năm
I	Trường Đại học Hoa Lư:				
1	Hệ đại học chính quy	NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	700.000	10	7.000.000
2	Hệ cao đẳng chính quy	NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	560.000	10	5.600.000
3	Hệ đại học vừa học vừa làm	NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	870.000	10	8.700.000
4	Hệ cao đẳng vừa học vừa làm	NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	690.000	10	6.900.000
5	Thu khác	Theo hợp đồng			
II	Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An:				
1	Khu vực thành thị	NQ134/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của HĐND; NQ số 41/2021/NQ-HĐND ngày	130.000	9	1.170.000

		29/7/2021			
2	Khu vực nông thôn	NQ134/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của HĐND; NQ số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021	85.000	9	765.000

2.2. Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi thường xuyên, phân phối kết quả tài chính năm 2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022			Ghi chú
		Trường Đại học Hoa Lư	Trường phổ thông thực hành SP Tràng An	Tổng cộng	
A	Thu, chi hoạt động dịch vụ				
I	Thu hoạt động dịch vụ	8.029	273	8.302	
1	Thu học phí (Nguồn thu xác định mức độ tự chủ)	7.679	273	7.952	
2	Thu khác	350	0	350	
II	Chi hoạt động dịch vụ	6.209	273	6.482	
1	Chi từ nguồn thu học phí	5.859	273	6.132	
2	Chi các hoạt động khác	350	0	350	
III	Số kinh phí tiết kiệm được	1.820	0	1.820	
B	Kinh phí NSNN				
I	Chi thường xuyên giao tự chủ (B)	42.618	3.654	46.272	
II	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	36.759	3.381	40.140	
III	Số kinh phí NSNN tiết kiệm được	0	0	0	
IV	Phân phối chênh lệch thu, chi thường xuyên (Điều 18; Nghị định 60/2021/NĐ-CP)	1.820	0	1.820	
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	182		182	

2	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.183		1.183	
3	Thu nhập tăng thêm của người lao động	455		455	
V	Xác định mức tự chủ tài chính	18%	7%	17,2%	

2.3. Mức tự chủ tài chính

Căn cứ vào Ước thực hiện Thu, chi năm 2022, mức tự chủ giai đoạn năm 2022-2026 toàn trường dự kiến là 17,2%,. Theo Điều 9, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, đơn vị xác định phân loại: Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên , cụ thể:

- Danh mục Giáo dục Đại học đạt 18%;
- Danh mục Giáo dục phổ thông là 7%.

2.4. Những khó khăn, tồn tại:

Mặc dù năm 2022 số lượng người lao động trong đơn vị có mặt giảm so với được giao, giảng viên kiêm nhiệm dạy nhiều lĩnh vực đào tạo từ Đại học và phổ thông, nhưng mức lương hệ số tăng nên chi phí cho con người không giảm. Bên cạnh đó tình hình tuyển sinh năm 2022 các ngành ngoài sư phạm khó khăn, các ngành sư phạm bị giảm chỉ tiêu so với năm 2021, dẫn đến số thu học phí năm 2022 dự kiến giảm nhiều so với năm 2021. Quy mô đào tạo được mở rộng và tăng nhưng do chủ yếu tăng số lượng học sinh phổ thông, chi thường xuyên và các khoản đầu tư cho trường Trảng An tăng ảnh hưởng tới tổng mức chi thường xuyên toàn Trường. Mức tự chủ tài chính năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định giảm.

Trên đây là Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2022-2026 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Nhà trường kính đề nghị Sở Tài chính quan tâm, thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Trường

